TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10 -6-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thế Tự
2. Ông Phan Công Điện

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-HN ngày 23 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bùi Thị Thu E, sinh năm 1988
Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.
2. Bị đơn: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị Thu E trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn Thanh T tự nguyện sống chung vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo luật định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh

nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng ý kiến, đời sống chung vợ chồng thường xuyên phát sinh tranh cải, gia đình không còn hạnh phúc. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Nay nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc này nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Quyền, sinh ngày 17/8/2007, hiện nay do nguyên đơn đơn nuôi dưỡng. Nay ly hôn, nguyên đơn yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu Nguyễn Thanh Q có nguyện vọng sống chung với nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn và ghi nhận tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không có, không yêu cầu nên đề nghị thông qua.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo qui định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên toà, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa các đương sự phát sinh từ năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, thường xuyên bất đồng ý kiến. Tuy mâu thuẫn phát sinh không lớn, nhưng các đương sự không tìm biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân, mà lựa chọn giải pháp mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chứng tỏ các đương sự đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ trong việc yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và chính thức sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, nguyên đơn và bị đơn cũng không tìm gặp để bàn biện pháp hàn gắn hôn nhân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Xét cháu Nguyễn Thanh Q đã được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định từ lúc các đương sự ly thân đến nay và cháu có nguyện vọng sống chung với nguyên đơn nên cần tiếp tục cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu E được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị Thu E được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 17/8/2007. Anh Nguyễn Thanh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh T mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Bùi Thị Thu E phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017128 ngày 07 tháng 03 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thị hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thanh Tùng